TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2018

V/v tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyện.

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1983, có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; chỗ ở hiện tại: Ấp B, xã T1, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Chí M, sinh năm 1983, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai ngày 09 tháng 10 năm 2017 – Bà Lê Thị G trình bày: Vào năm 2001, bà G và ông M

do mai mối, yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Đến ngày 21 tháng 5 năm 2003, ông M và bà G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Ông M và bà G tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn, ông M và bà G có tìm hiểu nhau được khoảng ba tháng thì đồng ý tiến đến hôn nhân. Sau khi kết hôn thì ông M và bà G về chung sống với cha mẹ chồng được 03 năm. Sau đó, cha mẹ chồng cho ông M và bà G 1,3 hecta đất lúa, một cái nền để ông M và bà G cất nhà ra ở riêng. Tuy nhiên, việc cho đất thì cha mẹ chồng bà G chưa làm thủ tục sang tên cho ông M và G theo quy định pháp luật. Vợ chồng cùng làm 1,3 hecta đất lúa, ngoài ra ai thuê việc gì thì bà G làm thêm việc đó để kiếm thêm nên thu nhập chỉ đủ trang trải cho cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do suốt thời gian chung sống, ông M thường xuyên uống rượu về nhà dùng những lời lẽ thô tục, chửi bới, đánh đập bà G. Ông M còn xúc phạm cha mẹ bà G. Cha mẹ bà G có khuyên ngăn nhưng ông M vẫn chứng nào tật nấy. Nhưng vì thương con còn nhỏ nên bà G cố chịu đựng để con có đủ cha và mẹ. Vào tháng 02 năm 2014, ông M chửi bới, đánh bà G tại quán cà phê cô 5 Điệu. Bà G làm vợ thương chồng nên đã nhiều lần khuyên nhủ ông M sửa đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng ông M không sửa đổi được gì. Từ tháng 02 năm 2014 đến nay, bà G với ông M bắt đầu sống ly thân, bà G với con về sinh sống ở nhà cha mẹ ruột tại xã T1, thị xã K còn ông M vẫn sống ở nhà trên phần đất của cha mẹ chồng cho tại xã T, thị xã K. Từ đó, ông M và bà G không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng cũng bắt đầu bế tắt, bà G không còn hy vọng gì về cuộc hôn nhân này nữa. Nay bà G xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn với ông M, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Bà G xác định vợ chồng chung sống có một người con chung tên Trần Nhựt H, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2002, giới tính nam. Khi ly hôn, bà G đồng ý giao cháu H lại cho ông M được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi tròn 18 tuổi. Bà G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018 đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Bởi vì hiện nay bà G làm công nhân thu nhập hàng tháng được khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ nợ chung: Bà G xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của bà G, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã

tống đạt hợp lệ cho ông M nhưng ông M không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, ông M cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của ông M cho Tòa án biết về việc bà G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông M. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân, bà G xin được ly hôn với ông M; về con chung bà G đồng ý tiếp tục giao cháu H cho ông M được nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi. Bà G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2018 đến khi cháu H tròn 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung, bà G xác định và cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông M vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát có chậm trễ, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà G tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà G, cụ thể là: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho bà G được ly hôn với ông M; về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu H cho bà G nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi vì từ khi ly thân đến nay cháu H ở chung với bà G; về tài sản chung, nợ chung bà G xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông M có địa chỉ ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bà G có yêu cầu tha thiết xin được ly hôn với ông M, còn ông M không có mặt, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của ông M cho Tòa án biết về việc bà G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông M. Xét thấy, từ tháng 02 năm 2014 đến nay, bà G và ông M đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sat nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà G, xử cho bà G được ly hôn với ông M là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, bà G trình bày bà G đồng ý tiếp tục giao cháu H cho ông M được nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi. Bởi vì, bà G không có nơi ở ổn định, phải đi làm xa, còn ông M có nơi ở ổn định và cháu H là con trai, đang trong độ tuổi rất cần sự chăm sóc, giáo dục từ ông M. Mặt khác, tại tờ ghi ý kiến ngày 09 tháng 10 năm 2017 của cháu H, biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K thì cháu H cũng có nguyện vọng được ở chung với ông M khi bà G và ông M ly hôn. Do đó, khi ly hôn bà G đồng ý giao cháu H lại cho ông M được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi tròn 18 tuổi. Bà G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018 đến khi cháu H tròn 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, mà cần ghi nhận sự tự nguyện của bà G là tiếp tục giao cháu H cho ông M được nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và buộc bà G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018 đến khi cháu H tròn 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K là không xem xét giải quyết.

[5] Về sự vắng mặt của ông M tại phiên tòa: Ông M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị G, xử cho bà Lê Thị G được ly hôn với ông Trần Chí M.

2. Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Trần Nhựt H, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2002, giới tính nam cho ông Trần Chí M được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi. Bà Lê Thị G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nhựt H hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018 đến khi cháu Trần Nhựt H tròn 18 tuổi.

Bà Lê Thị G được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Lê Thị G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006536 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Bà Lê Thị G còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Lê Thị G, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Trần Chí M được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Đương sự;
- UBND xã Thạnh Hưng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu